

NGÔN NGỮ VÀ VĂN CHƯƠNG

CẤU TRÚC Ý NIỆM TÌNH YÊU TRONG CA TỪ CỦA NHẠC SĨ DIÊN AN

CONCEPTUAL STRUCTURE OF LOVE IN LYRICS BY DIEN AN

PHẠM VĂN THỎA
(ThS-NCS; ĐH KHXH & NV, ĐHQG TP HCM)

Abstract: This study focuses on constructing LOVE concept in lyrics by Dien An with theories of metaphor and conceptual structure of emotions. In the aspect of emotion, LOVE consists of other basic emotional concepts, particularly HAPPINESS and SADNESS. The metaphorical system of LOVE includes two component systems: one of its own and the other of constituent emotions. In the former system, the mode LOVE IS A PERSON works as the primary metaphor, from which the metaphor entailment constructs a hierarchical system with other metaphors. The latter system of metaphors, which came from the constituent emotional concepts, helps construct the whole system of LOVE.

Key words: lyrics; conceptual structure; metaphor mode; concept of love; constituent emotions.

1. Mở đầu

Theo Lakoff và Kovecses thì ẩn dụ trong ngôn ngữ nghệ thuật nói chung và ca từ nói riêng đều là xuất phát từ ẩn dụ tri nhận mang tính phổ quát [4], [5], [7]. Chẳng hạn:

Hakim (2009) thực hiện nghiên cứu đối với ca từ của nhóm nhạc Dream Theatre và đi đến kết luận: ẩn dụ đóng một vai trò quan trọng trong ca từ, không những chuyển tải và làm đẹp ý tưởng, mà còn làm trỗi dậy cảm xúc ở người nghe” [3:55]. Crossley (2005) vận dụng lý thuyết về ẩn dụ ý niệm của Lakoff (1980) và luận điểm trung tâm của thuyết này - hệ thống ý niệm (conceptual system) và thông qua ca từ cả nhạc hip-hop để tìm hiểu tâm ý và chiều hướng tâm lý của người Mỹ gốc Phi: “ẩn dụ ý niệm là biểu tượng của sự không hài lòng về mặt xã hội tồn tại xã hội Mỹ và của những bất cập về kinh tế và cơ sở cuộc sống mà người Mỹ gốc Phi vẫn đang còn đối mặt” [2:509].

Nghiên cứu về mô hình ẩn dụ cấu trúc trên cứ liệu ca từ Trịnh Công Sơn, Nguyễn Thị Thanh Huyền (2009) giải thích ý niệm VÔ THƯỜNG và đề cập đến ý niệm TÌNH YÊU, cụ thể là mô hình ẩn dụ TÌNH YÊU LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH với miền nguồn: *về, mưa giông, chân*

mỏi, bão nổi, giả từ, [8:11]. Đặc biệt Trần Thị Bích Liên (2011) từ ca từ của Trịnh Công Sơn đã đưa ra một số mô hình ẩn dụ mới so với những mô hình ẩn dụ được biết trước đó từ các công trình của Lakoff, Kovecses như TÌNH YÊU LÀ HƯ VÔ, TÌNH YÊU LÀ SỰ CHUYỂN ĐỘNG CỦA CÁC MÙA TRONG NĂM.

Kết quả các nghiên cứu vừa nêu bộc lộ một vấn đề đáng bàn: không kết nối được mối liên hệ giữa các mô hình hình thành nên hệ thống ý niệm. Ý niệm TÌNH YÊU nói riêng và ý niệm cảm xúc nói chung, về bản chất, tồn tại trong những mối quan hệ phức tạp như Za'ev (2000) đã phát biểu “Cảm xúc là những hiện tượng phức tạp và huyền ảo cao độ, luôn đòi hỏi sự giải thích cẩn thận và có hệ thống đối với các tính chất và thành phần phức tạp của chúng” [1:3]. Ngôn ngữ diễn đạt cảm xúc “quan hệ lẫn nhau và ý nghĩa của chúng chồng lấn rất đáng kể” [11:539]. Trong tiếng Việt, ngoài ý nghĩa chuyển tải cảm xúc và mối quan hệ gia đình, quan hệ xã hội, quan hệ công việc và thậm chí là quan hệ bang giao quốc tế, “tình” còn là phương thức giải quyết các mâu thuẫn tồn tại trong quan hệ xã hội [9].

Sự chồng lấn riêng và mối quan hệ giữa các ý niệm cảm xúc cũng có thể nhận ra dựa vào các

mô hình ẩn dụ đang có hiện nay. Điển hình là Kovecses (2000, 2010), đã xây dựng được rất nhiều mô hình ẩn dụ cho nhiều loại cảm xúc khác nhau. Đối với ý niệm TÌNH YÊU, Kovecses đã xây dựng được 15 mô hình ẩn dụ, 20 mô hình ẩn dụ cho ý niệm HẠNH PHÚC và 13 mô hình ẩn dụ cho ý niệm BUỒN. Rất nhiều mô hình ẩn dụ trong các ý niệm trên có cùng miền nguồn. Ngoài ra các mô hình còn thể hiện các mối quan hệ đối lập trong định hướng, trong tồn tại, trong cảm giác... [5], [6]. Trong số các mô hình ẩn dụ đó, 3 ý niệm cảm xúc trên chia sẻ chung 6 mô hình - có cùng ý niệm miền nguồn: *chất lỏng trong bình chứa; sức mạnh vật lý; con vật bị nhốt; sự mất trí; đối thủ, và kẻ thống trị xã hội*. Ý niệm HẠNH PHÚC và BUỒN có cùng 2 ý niệm miền nguồn khác: *bệnh tật và động vật/sinh vật*. Các ý niệm cảm xúc vừa nêu còn quan hệ với nhau trong thể đối lập: LÊN - XUỐNG, CÓ - KHÔNG, NHẸ - NẶNG. Đây là những cơ sở lí thuyết quan trọng trong việc nghiên cứu mối quan hệ giữa các ý niệm cảm xúc từ góc độ ẩn dụ tri nhận. Đây cũng là nội dung then chốt của nghiên cứu này: mối quan hệ giữa ý niệm TÌNH YÊU với HẠNH PHÚC và BUỒN. Tuy nhiên, chúng tôi tiếp cận với các loại ý niệm trên từ một góc độ khác. Không như Kovecses cũng như một số nhà nghiên cứu khác đều tiếp cận nghiên cứu các cảm xúc trên từ góc độ những cảm xúc ngang bằng và tồn tại biệt lập lẫn nhau, chúng tôi xem ý niệm HẠNH PHÚC và BUỒN là những ý niệm thành phần tồn tại bên trong ý niệm TÌNH YÊU (ý niệm chính). TÌNH YÊU còn hơn là một cảm xúc vì nó còn biểu đạt mối quan hệ.

Ngữ liệu sử dụng cho nghiên cứu được trích ra từ 16 bài hát của Nhạc sĩ (NS) Diên An. NS Diên An (nghệ sĩ ưu tú Nguyễn Văn Đễ), sáng tác không nhiều và đề tài cũng không phong phú. Toàn bộ các ca khúc của ông, theo chính lời của nhạc sĩ, tập trung vào đề tài tình yêu và tình yêu đó chỉ để dành cho một người. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cố gắng mô tả được hệ thống ý niệm TÌNH YÊU từ hệ thống ẩn dụ ý niệm của chính nó với hệ thống ẩn dụ ý niệm của các ý niệm cảm xúc thành phần.

2. Cấu trúc ý niệm tình yêu

NS Diên An xem tình yêu là một cuộc hành trình với đầy đủ các giai đoạn và sự thăng trầm của nó. Ông xem sự bắt đầu của tình yêu là *(từ) vào cuộc vui [d.a16] (xem chú thích ở cuối bài*)*, những gì trải qua trong tình yêu cũng như *đường (đó) giờ đã chông gai [d.a7]* và nhiều thay đổi khác trong tình yêu như những thay đổi xảy ra trong cuộc hành trình. Bên cạnh đó, NS xem TÌNH YÊU chính là CON NGƯỜI và những thay đổi trong CUỘC ĐỜI chính là những biến đổi trong cuộc hành trình của TÌNH YÊU. Đặc biệt ông kết nối ý niệm TÌNH YÊU với ý niệm HẠNH PHÚC - đánh dấu cho khởi đầu, cho diễn tiến tốt đẹp: *Tình đến quá ảm áp [d.a1]*, *những ngày thêu hoa dệt mộng [d.a2]*... và BUỒN - đánh dấu cho đổ vỡ: *Ngày vui đã tàn duyên lỡ làng hoen mi lệ tràn [d.a2]*, *Nước mắt chìm theo sóng rượu phân li [d.a6]*...

2.1. Ẩn dụ ý niệm TÌNH YÊU

a. TÌNH YÊU LÀ CON NGƯỜI: Trong ca từ của NS Diên An, ý niệm TÌNH YÊU dễ dàng được nhận biết dưới ý niệm con người. Ông xem TÌNH là người đối thoại khi gọi *Tình ơi [d.a8]*, và *con người với các hoạt động như Tình đến [d.a1]*, *Tình cho [d.a1]*, *tình xưa thức giấc [d.a4]*, *Tình xa tôi, đánh bỏ tôi rồi ... [d.a14]*. Đây có thể được xem là ẩn dụ chính trong hệ thống ẩn dụ TÌNH YÊU trong ca từ của Diên An. Ngoài những dấu hiệu vừa nêu, hình ảnh con người trong TÌNH YÊU còn được khắc họa bởi các ý niệm CUỘC ĐỜI, CUỘC HÀNH TRÌNH, ...

b. TÌNH YÊU LÀ CUỘC ĐỜI: Diên An gắn chặt ý niệm TÌNH YÊU với ý niệm cuộc đời bằng cách sử dụng rất nhiều (27 lần) các tổ hợp từ vựng có từ ĐỜI, KIẾP: *đời, ngàn đời, cuộc đời, trọn đời, trên đời, kiếp sau, trọn kiếp, kiếp này, ngàn kiếp, kiếp nào và đường trần*. Ý niệm CUỘC ĐỜI được thể hiện không những ở cuộc sống hiện tại mà còn trong ý niệm KIẾP. Chúng ta hoàn toàn có thể nhận quan niệm *kiếp ba sinh về TÌNH YÊU* qua việc phạm trù hóa ca từ theo kịch bản: *tiền kiếp → cuộc sống hiện tại → kiếp vị lai*. Đối với tiền kiếp Diên An viết Nhịp chân chìm đắm con mê *ngàn kiếp chưa về [d.a7]*. Kiếp hiện sinh được thể hiện qua 4 giai đoạn (1) SINH RA: Tình yêu như xuân vừa mới *bước*

đi vào đời [d.a11]; (2) LỚN LÊN: Tình sống với đắm đuối [d.a1]; (3) GIÀ: Còn một ngày, còn tiếc thương đời [d.a9]; và (4) CHẾT: Mộ bia xanh khắc ghi mỗi tình đầu. [d.a12]. TÌNH YÊU có thể tồn tại cả ở kiếp vị lai: *Bước chân đi vào kiếp sau để tìm nhau* [d.a12]

c. TÌNH YÊU LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH:

Mô hình ẩn dụ này trước hết được thể hiện qua các tổ hợp từ vựng chỉ sự vận động với *đi, bước, bay, về, dẫu...*: *Ôi cuộc tình mê đã về vùng đá xanh rêu* [d.a17] và các tổ hợp từ vựng chỉ phương hoặc đích vận động như *vùng đá xanh, bến xa vời* [d.a9], *ngàn khơi* [d.a9]. Điều đặc biệt, ý niệm CUỘC HÀNH TRÌNH được thể hiện rất rõ thông qua các diễn tiến của ý niệm TÌNH YÊU với 7 giai đoạn (1) KHỞI ĐẦU (tình yêu bắt đầu): *mở lối yêu xưa* [d.a7]; (2) DIỄN RA (tình yêu tiến triển): *con đường mình qua* [d.a6]; (3) GẶP TRỞ NGẠI: *đường đó giờ chông gai* [d.a7]; (4) CHIA TAY: *có thương và đau cũng đành chia tay* [d.a6]; (5) MỘT NGƯỜI ĐI TIẾP: *Đường em đi, hồng đôi chân người đón em về!* [d.a14], (6) MONG CHỜ: *Chờ ai trong ngày trước* [d.a8]; (7) TỪ BỎ VÀ QUAY VỀ: *Đường tôi đi mờ hơi sương vực đá rêu mòn ...* [d.a14]

d. TÌNH YÊU LÀ KHÔNG GIAN: Không gian là nơi cuộc hành trình diễn ra và luôn gắn chặt với cuộc hành trình. NS sử dụng các tổ hợp từ vựng chỉ KHÔNG GIAN như *nơi nương náu* [d.a7], *vùng yêu thương* [d.a4], *trên cuộc tình hồng* [d.a1]... để diễn đạt TÌNH YÊU. KHÔNG GIAN trong ca từ của Diên An là *con đường, lối*: *Kết ngăn vì sao đường sáng em qua* [d.a6]. KHÔNG GIAN cho ý niệm TÌNH YÊU còn được mô tả ở những trạng thái khác nhau *xa, cao, phong kín, vô bờ, phủ lớp rêu xưa, mờ hơi sương* [d.a9,16,15,7,4]. Tình yêu bị chia cắt được thể hiện bằng hình ảnh không gian bị cách ngăn: *sóng xô đôi bờ* [d.a4], *cách ngăn đôi đường* [d.a5].

e. TÌNH YÊU LÀ THỜI GIAN: Ý niệm THỜI GIAN trong ca từ của Diên An trải ra một khoảng rất rộng. Ngoài ý niệm ĐỜI và KIẾP đã phân tích trong mô hình TÌNH YÊU LÀ CUỘC ĐỜI, nhạc sĩ còn sử dụng các tổ hợp từ vựng để chỉ QUÁ KHỨ: *dĩ vãng, xưa, ngày xưa*; HIỆN

TAI: *bây giờ, đêm hôm nay*; và TƯƠNG LAI: *ngày mai, mai mốt, về sau*. Trên trục thời gian, các phân đoạn thời gian khác nhau cũng được sử dụng khá thường xuyên trong các bài hát: *một lần, thoáng, phút giây, phút chốc, ngày, ngày tháng, mùa và thiên thu*. THỜI GIAN trở thành THỰC THỂ tồn tại *nghe thời gian tung cánh bay đi* [d.a7] hoặc KHÔNG GIAN: *thời gian cuốn trôi* [d.a4].

2.2. Ẩn dụ ý niệm cảm xúc thành phần

NS Diên An sử dụng những tổ hợp từ gợi lên sự vui tươi như *ấm áp* [d.a1], *ngày thêu hoa dệt mộng* [d.a2], *sôi đá vui mừng, nhịp chân lá loi* [d.a4]... để mô tả khi nó bắt đầu. Ngược lại rất nhiều tổ hợp gợi lên nỗi buồn được sử dụng khi cuộc tình bước vào dở dang, tan vỡ như *than khóc hoài thương đau nghẹn ngào* [d.a2], *suốt kiếp bơ vơ* [d.a5], *buồn thiêu* [d.a17]...

2.2.1. Ẩn dụ ý niệm HẠNH PHÚC

Ý niệm HẠNH PHÚC gắn liền với các khái niệm về thời gian như *phút, ngày, mùa xuân, ngày tháng, đời*. Thời gian chính là ‘đối tượng’ đang có và chứa cảm xúc hạnh phúc: *ngày tháng mộng* [d.a6].... Không gian xung quanh là yếu tố thứ hai bên ngoài cơ thể được NS Diên An nhìn nhận như là ‘đối tượng’ đang hưởng cảm xúc hạnh phúc: *sôi đá vui mừng* [d.a4], *vạt nắng xôn xao* [d.a4]. Ý niệm HẠNH PHÚC có 4 mô hình ẩn dụ:

(i) HẠNH PHÚC LÀ GIA VỊ: Kinh nghiệm đến từ ‘nếm trải’ tồn tại trong cảm xúc HẠNH PHÚC xuất phát từ những cảm giác vị giác và cảm giác đối với nhiệt độ. Hai dạng vị giác đặc trưng cho ý niệm HẠNH PHÚC của Diên An là NGỌT, MẶN và BUI: *ngày tháng ngọt ngào* [d.a11], *mặn nồng* [d.a15], *thương đau ngọt ngào* [d.a16], *ngọt bùi* [d.a16].

(ii) HẠNH PHÚC LÀ SỰ ẤM ÁP: Không khó để nhận ra mô hình ẩn dụ HẠNH PHÚC LÀ SỰ ẤM ÁP trong ca từ của NS Diên An. Các tổ hợp từ liên quan đến ý niệm NHIỆT được dùng để biểu đạt cảm xúc HẠNH PHÚC NS Diên An đã sử dụng chủ yếu chứa đựng thành tố ‘ẤM’: *ấm áp* [d.a13], *nồng ấm* [d.a5], *đêm đầm ấm* [d.a11], *sưởi ấm* [d.a13].

(iii) PHÚC LÀ SỰ MẤT TRÍ: Các tổ hợp chỉ sự mất trí có thể sắp xếp theo một hệ thống

mà ở đó diễn tả triệu chứng này từ mức độ thấp đến cao (từ nhẹ đến nặng). Lúc bắt đầu, tác giả xem đó là tuổi đại khờ [d.a5]. Bước tiếp theo là trạng thái *ấm áp con mê* [d.a13]. Cuối cùng là trạng thái mất kiểm soát: *lạc vào* [d.a11], *đắm đuối* [d.a1]...

(iv) HẠNH PHÚC LÀ ÂM THANH (RỘN RÃ): Mặc dù xuất hiện rất ít trong ý niệm HẠNH PHÚC so với ý niệm BUỒN, nhưng ý niệm ÂM THANH vẫn đem lại một số đặc điểm cần bàn. Nguồn của âm thanh đến từ lời nói *Lời yêu dấu* [d.a6], từ con tim – biểu tượng của tình yêu: *nghe tim đập dào* [d.a11], và từ biểu tượng vui tươi của đất trời *vật nắng: vật nắng xôn xao đón đưa em về* [d.a4].

2.2.2. Ấn dụ ý niệm BUỒN

Trong tất cả các câu có trong ca từ của Diên An không chứa tổ hợp TÌNH VUI hay bất cứ một tổ hợp nào tương đương như vậy, ngược lại tổ hợp TÌNH BUỒN hoặc những tổ hợp diễn đạt điều tương tự xuất hiện rất nhiều: *một thoáng tình buồn* [d.a5]... Ý niệm THỜI GIAN là yếu tố có tính chất then chốt và trung tâm trong biểu đạt cảm xúc BUỒN của NS Diên An bao gồm các tổ hợp chỉ thời gian từ rất ngắn (thoáng) đến vô tận (thiên thu): *thoáng tình buồn* [d.a5], *Phút chia ly* [d.a15], ... *thiên thu sầu* [d.a12]. Ý niệm BUỒN có 7 mô hình ẩn dụ:

1) BUỒN LÀ VẬT THỂ: Ý niệm BUỒN được xem là dấu vết có thể bị làm biến mất: *xóa bao u buồn héo tàn* [d.a2], vật thể dễ cất giữ: *phong kín* [d.a9] hoặc tồn tại ở một vị trí nào đó: *Để niềm đau đắng cay trên ...* [d.a4]. Hơn nữa, BUỒN có thể là vật thể bị dịch chuyển dưới sự tác động: *đưa con buồn đến ...* [d.a9] hoặc vật thể tự vận động: *lẻ loi tìm đến*. [d.a16].

2) BUỒN LÀ VỊ GIÁC: Trong ý niệm BUỒN, MẶN tồn tại độc lập: *mặn môi* [d.a9]. Vị giác ‘tiêu cực’ còn lại trong ý niệm BUỒN là ĐẮNG: *đắng môi khi biệt li!* [d.a14]. Ý niệm GIA VỊ càng được thể hiện rõ hơn khi có sự kết hợp của 2 dạng gia vị ‘tiêu cực ĐẮNG và CAY: *để niềm đau đắng cay trên bờ môi* [d.a4]. ĐẮNG CAY có thể là kết cục không vui của cuộc tình: *chuyện tình thôi đắng cay* [d.a15]. ĐẮNG CAY cũng có thể trở thành vật

căn trên cuộc hành trình tình yêu: *Ngày mình gặp đắng cay* [d.a15].

3) BUỒN LÀ SỰ MẤT MẮT: Chia ly trong tình yêu chứa đựng sự mất mát và dĩ nhiên những tổ hợp mô tả sự chia ly đều gọi tả cảm xúc buồn. Càng đến lúc chia tay quyền ‘sở hữu’ đối với vật thể đó càng ít dần kể cả thời gian và lượng. Sự mất mát ở các giai đoạn (1) ĐANG ĐẾN GẦN: *Nào đâu có bao lâu* [d.a6], *còn những gì* [d.a15]; (2) DIỄN RA: *Đánh mất lần cuối* [d.a9], *Đã hết* [d.a13], *Ngày vui đã tàn* [d.a2]; và (3) TIẾC NUỐI và CHẤP NHẬN: *tiếc cho ngày đã qua* [d.a16], *cũng đành chia tay* [d.a6]...

4) BUỒN LÀ LẠC LÔNG: Sự LẠC LÔNG được Diên An diễn đạt qua các tổ hợp như *cô liêu, một rơi, lẻ loi...*: *Đời sao cô liêu đau đớn* [d.a2], *ta lẻ loi* [d.a12], *suốt kiếp bơ vơ* [d.a5], *đơn côi lạc lõng trên đời* [d.a14]... Ý niệm LẠC LÔNG cũng có thể được biểu đạt qua các hành động vận động diễn ra trên suốt cuộc hành trình: *lặng bước* [d.a8], hoặc không gian nơi cuộc hành trình đó diễn ra: *lá rơi quanh hiu* [d.a8].

5) BUỒN LÀ ĐAU ĐÓN: Các tổ hợp chủ yếu xoay quanh ý niệm chính *đau*: *ai đau trong lẻ loi* [d.a9], *niềm đau đắng cay* [d.a4], *thương đau nghen ngào* [d.a2]... NS Diên An cũng sử dụng một số tổ hợp khác, tuy không kết nối với ĐAU, để diễn tả hậu quả ‘tàn phá’ do cảm xúc BUỒN đem lại: *u buồn héo tàn* [d.a2], *buồn nát rã rời* [d.a8]. Ý niệm ĐAU ĐÓN được nhận thức như là vật thể để người ta có thể ban cho nhau: *Người vừa tặng ta vết thương đau ngọt ngào* [d.a16] hoặc tồn tại như bất kì vật thể nào khác: *niềm đau thiết tha còn đó* [d.a13].

6) BUỒN LÀ ÂM THANH: ÂM THANH trong ý niệm BUỒN là âm thanh của tình yêu tan vỡ *Tình yêu nghe đã buồn thiu* [d.a17], của tình yêu không thật: *Từ vào cuộc vui đã chớm nghe lừa dối* [d.a16]. ÂM THANH của BUỒN trong bơ vơ lạc lõng: *giờ mình nghe bơ vơ ...* [d.a14], trong đau đớn: *còn đau lời nói* [d.a9], trong không gian: *đời núi âm vang* [d.a4], và thời gian: *nghe thời gian tung cánh bay đi* [d.a7].

7) BUỒN LÀ SỰ CẢM LẠNG: NS Diên An sử dụng CẢM LẠNG để biểu đạt ý niệm nguồn KHỔ ĐAU cho cảm xúc BUỒN: *Khổ đau cảm*

nín rồi [d.a6], Nghen ngào trong tiếng cười [d.a6]. Sự câm lặng xuất phát từ tình yêu tan vỡ thông qua các biểu tượng của nó Rời mộng cũ im hơi, và thời gian cuốn trôi [d.a4], Em sẽ quên khi trái tim đang dạt dào đã lặng im [d.a17]. Như đã được phân tích, THỜI GIAN là ý niệm miền nguồn của TÌNH YÊU và thời gian đã qua biểu đạt cho tình yêu đã mất: *Ngày tháng cũ im lìm phủ lớp rêu xưa [d.a7],*

3. Kết luận

Vận dụng các lí thuyết liên quan đến xây dựng mô hình ẩn dụ, đặc biệt là các thủ pháp chọn lọc điển dạng của Lakoff (1993), lí thuyết về phép kéo theo ẩn dụ (metaphor entailment) của Kovecses (2010), lí thuyết kịch bản về cảm xúc của Wierzbicka (1992) và các mô hình ẩn dụ TÌNH YÊU do các học giả quan tâm đến NNHTN xây dựng nên, nghiên cứu này đã cấu trúc được ý niệm TÌNH YÊU trên cơ sở ca từ của NS Diên An. Cấu trúc ý niệm TÌNH YÊU được hình thành từ hai mối quan hệ: quan hệ KÉO THEO có tính hệ thống và thứ bậc giữa các mô hình ẩn dụ của chính nó và quan hệ CHÍNH-THÀNH PHẦN giữa ý niệm TÌNH YÊU với các ý niệm cảm xúc thành phần HẠNH PHÚC và BUỒN. Trong mỗi quan hệ kéo theo, mô hình ẩn dụ TÌNH YÊU LÀ CON NGƯỜI là ẩn dụ cao nhất (primary metaphor). Từ mô hình TÌNH YÊU LÀ CON NGƯỜI, phép kéo theo ẩn dụ hình cấu trúc các nên mô hình ẩn dụ còn lại. Điểm mới của nghiên cứu này so với những nghiên cứu cùng đối tượng trước đó là việc mô tả được mối quan hệ ý niệm cảm xúc chính - TÌNH YÊU với các ý niệm cảm xúc thành phần HẠNH PHÚC & BUỒN. Mối quan hệ này là mối quan hệ SẢN SINH hay nói cách khác là quan hệ NHÂN - QUẢ. Bản thân ý niệm HẠNH PHÚC và ý niệm BUỒN là thành phần của ý niệm TÌNH YÊU cũng quan hệ chặt chẽ với nhau. Các mô hình ẩn dụ của ý niệm HẠNH PHÚC và BUỒN cũng tồn tại mối quan hệ: quan hệ đối lập và quan hệ NHÂN - QUẢ, Giữa ý niệm HẠNH PHÚC và ý niệm BUỒN cũng tồn tại mối quan hệ kết nối bởi những ý niệm miền nguồn của ý niệm TÌNH YÊU, đặc biệt là ý niệm THỜI GIAN. Kết quả nghiên cứu vừa nêu, về mặt lí thuyết, đã tạo nền tảng cho những nghiên cứu về

cấu trúc ý niệm cho những loại cảm xúc khác nhau cũng như cấu trúc tổng quát cho ý niệm CẢM XÚC.

* Danh mục bài hát và kí hiệu: *Con mưa hồng [d.a1], Đêm vĩnh biệt [d.a2], Giấc mê đời [d.a4], Giọt mưa hay giọt lệ tình [d.a5], Hãy quên nhau [d.a6], Hồn lá úa [d.a7], Kỉ niệm tuổi thơ [d.a8], Làn cuối cùng [d.a9], Nửa cuộc tình sâu [d.a10], Người tình [d.a11], Người còn đó ta còn đây (mắt lệ) [d.a12], Người về trong mơ [d.a13], Người xa tôi [d.a14], Tình đời đổi thay [d.a15], Vết thương cuối cùng [d.a16], Xin trả lại người [d.a17]*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1 Ben-Ze'ev, A. (2000), *The subtlety of emotions*. Massachusetts Institute of Technology, Library of Congress.
- 2 Crossley, S. (2005), *Metaphorical conceptions in Hip-hop music*. African American Review, Volume 39, Number 4, 501-512.
- 3 Hakim, A. L. (2009), *A semantic analysis of metaphors found in "Dream Theatre's" selected lyrics*. University of North Sumatera.
- 4 Kövecses, Z. (2000), *Metaphor and Emotion: Language, Culture, and Body in Human Feeling*, Cambridge: Cambridge University Press
- 5 Kovecses, Z. (2010), *Metaphor: A practical introduction*. Oxford University Press.
- 6 Lakoff, G & Johnson, M. (1980), *Metaphors we live by* (2nd ed., 2002). Chicago: University of Chicago Press
- 7 Lakoff, G. (1993), *The contemporary theory of metaphor*. In A. Ortony (Ed.), *Metaphor and thought* (2nd ed., pp 202-251). New York. Cambridge University Press
- 8 Nguyễn Thị Thanh Huyền (2009), *Ẩn dụ tri nhận - Mô hình ẩn dụ cấu trúc trên cú liệu ca từ Trịnh Công Sơn*. Luận văn thạc sĩ. ĐHQG TPHCM, trường ĐH KHXH&NV.
- 9 Phạm Văn Thỏa (2013), *Ý niệm "Tình" trong tiếng Việt. Tập san KHXH&NV*. ĐHQG TPHCM, trường ĐH KHXH&NV
- 10 Trần Thị Bích Liên (2011), *Ẩn dụ trong ca từ Trịnh Công Sơn dưới góc nhìn NNHTN*. Luận văn thạc sĩ. Trường ĐHSP TPHCM. [tranthibichlien2011]
- 11 Wierzbicka, A. (1992), *Defining emotion concepts*. Cognitive science 16, 539-581.